

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HS-ST

Ngày: 26/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nuôi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Diệp

2. Ông Lê Xuân Niên

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST – HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2019/QĐXXST – HS ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo.

1. Nguyễn Ngọc V1; tên gọi khác; Không; sinh năm 1996 tại K, nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Đ (nay là thị trấn M), huyện K, tỉnh K; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Ngọc S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim N.

Tiền sự: 02 tiền sự: Ngày 11/02/2018 thực hiện hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum khởi tố bị can, đến ngày 10/7/2018 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can do có sự thay đổi về chính sách pháp luật, bị cáo bị xử phạt hành chính số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 11/02/2018 thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, bị Công an thành phố Kon Tum xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng.

Tiền án: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Ngọc V2; tên gọi khác; Không; sinh năm 1998 tại K, nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Đ (nay là thị trấn M), huyện

Kon P, tỉnh K; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Ngọc S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim N.

Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Phạm Quốc L; sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 02 Lý Thái Tổ, Tổ 3, phường T, thành phố K, tỉnh K (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Lê Thị Tuyết N; sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 02 Lý Thái Tổ, Tổ 3, phường T, thành phố K, tỉnh K (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Lê Thị Quỳnh M; sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ (nay là thị trấn M), huyện K, tỉnh K (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Nguyễn Thị Kim N; sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ (nay là thị trấn M), huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 01/5/2019 Nguyễn Ngọc V1 và Nguyễn Ngọc V2 đang ở nhà tại Thôn M, xã Đ (nay là thị trấn M), huyện K, tỉnh K thì V1 nảy sinh ý định mua ma túy đá về để V1 và V2 sử dụng. V1 mượn điện thoại của V2 để gọi cho Phạm Quốc L; sinh năm 1996; trú tại: Số 02 Lý Thái Tổ, Tổ 3, phường T, thành phố K, tỉnh K để mua ma túy. V1 nói L bán cho 3 “chăm đá” (mỗi chăm là 0,3 gam, có giá là 400.000 đồng theo như các đối tượng thường giao dịch với nhau). L đồng ý và yêu cầu V1 gửi số tiền 1.200.000 đồng cho L vào số tài khoản của L. Lúc đó, V2 ngồi cạnh V1 nên nghe được toàn bộ câu chuyện giữa V1 và L. Do đó, V2 cũng nảy sinh ý định cùng V1 mua ma túy đá để sử dụng. V1 và V2 đến gặp Lê Thị Quỳnh M; sinh năm 2001 để mượn điện thoại OPPO A3S của M. Sau đó, V1 và V2 mang điện thoại nói trên đi đến cửa hàng điện thoại Nguyên Mạnh cầm cố được 1.500.000 đồng. V1 và V2 tiếp tục cầm tiền đến cửa hàng Viettel để gửi tiền cho L nhưng số tài khoản của L bị lỗi nên V1 nói cho L biết. Lúc này, L gửi số tài khoản của Lê Thị Tuyết N là vợ của L cho V1 và V1 đã chuyển thành công số tiền 1.200.000 đồng vào số tài khoản của N. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày V1 gọi điện thoại báo cho L thì được biết L đã gửi số ma túy đá mà V1 mua lên huyện K bằng xe Buýt tuyến Kon Tum – Kon Plông, bên ngoài gói hàng có ghi số điện thoại người nhận là của V2. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, V1 liên lạc với nhân viên xe Buýt và hẹn nhận hàng tại cổng chợ K. Sau đó, V1 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 82B1 – 539.58 chở V2 ra cổng chợ K để lấy ma túy. Khi xe Buýt đi đến, V2 ngồi trên xe mô tô, V1 đi lại vị trí xe Buýt dừng

để lấy gói hàng, khi V1 vừa nhận gói hàng bên trong có chứa ma túy thì bị L lượng Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum bắt quả tang.

Ngày 02/5/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông ra quyết định trưng cầu giám định số ma túy đã thu giữ được.

Kết luận giám định số 44/GĐTĐP – 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Mẫu chất tinh thể màu trắng ký hiệu (M1; M2; M3) được niêm phong trong phong bì ghi số “01” là ma túy, có khối lượng 0,9644 gam, là loại Methamphetamine.

Cáo trạng số: 12/CT - VKS ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị can Nguyễn Ngọc V1, Nguyễn Ngọc V2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V1 từ 18 (Mười tám) đến 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/5/2019. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V2 từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/5/2019.

Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ đã qua sử dụng là phương tiện V1 dùng để liên lạc mua ma túy; 01 xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu xám đen, Biển kiểm soát 82B1 – 539.58, số khung 0610HY527093, số máy G3D4E550224 đã qua sử dụng, qua xác minh các tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim N, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trao trả cho bà Nguyễn Thị Kim N là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S màu xanh đã qua sử dụng mà Nguyễn Ngọc V1 mang đi cầm cố, qua xác minh là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Lê Thị Quỳnh M, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trao trả cho chị Lê Thị Quỳnh M là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

0,9644 gam ma túy, sau khi giám định còn lại 0,9351 gam, loại chất Methamphetamine được đựng trong một túi ni lông và được niêm phong trong một bì mặt trước có ghi nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM – PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 44/GĐTĐP – 2019”, mặt sau có các dấu tròn ghi nội dung

“*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH KON TUM”, và có chữ ký ghi tên của người tham gia niêm phong tại mép dán.

01 (Một) bịch màu trắng có nhiều nhãn màu đỏ có ghi chữ “BISSIN” in trên bề mặt, bên trong có chứa nhiều vật màu vàng (đã bị vỡ, không rõ hình), được niêm phong trong phong bì đánh dấu số 03.

01 (Một) hộp nhựa màu đen, không rõ hình thù, kích thước (1,5 x 4,5 x 2) cm bên trên cả hai mặt đều có ghi dòng chữ “50000 k VOLT” “928TYPE” được niêm phong trong phong bì đánh dấu số 04.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu gì nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát V1 trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 01/5/2019 tại cổng chợ huyện K, tỉnh K Nguyễn Ngọc V1 và Nguyễn Ngọc V2 đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng 0,9644 gam, sau khi giám định còn lại 0,9351 gam, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum phát hiện, bắt quả tang, hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc V1 và Nguyễn Ngọc V2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về ma túy, theo đó Nhà nước cấm tuyệt đối sử dụng chất này trong y học và đời sống xã hội bởi hệ lụy của ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác.

Khi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và buộc các bị cáo phải biết việc tàng trữ ma túy dưới bất kỳ hình thức nào đều bị coi là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị pháp luật trừng trị bằng hình phạt, hành vi của các bị cáo là bất chấp pháp luật, do đó cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo, đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội trong công cuộc phòng, chống ma túy.

[4]. Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[5]. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, tuy các bị cáo có sự thống nhất ý chí từ trước, nhưng không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm từng người đồng phạm.

[6]. Đối với Nguyễn Ngọc V1 là người nảy sinh ý định mua ma túy đá về để cùng Nguyễn Ngọc V2 sử dụng, đồng thời Nguyễn Ngọc V1 là người trực tiếp liên hệ mua ma túy, trực tiếp đi gửi tiền mua ma túy và trực tiếp nhận ma túy từ nhân V1 xe Buýt, do đó Nguyễn Ngọc V1 có vai trò vừa là người chủ mưu, vừa là người thực hành tích cực về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 11/02/2018 bị cáo thực hiện hành vi “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum khởi tố bị can, đến ngày 10/7/2018 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can do có sự thay đổi về chính sách pháp luật, bị cáo bị xử phạt hành chính số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 11/02/2018 thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, bị Công an thành phố Kon Tum xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo là người giữ vai trò chính, vì vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục đối với bị cáo đồng thời để răn đe phòng ngừa chung.

[7]. Đối với Nguyễn Ngọc V2 là người tiếp nhận ý chí của Nguyễn Ngọc V1, cũng muốn mua ma túy để sử dụng cá nhân nên Nguyễn Ngọc V2 đã cùng Nguyễn Ngọc V1 đi gửi tiền mua ma túy, cùng đi nhận ma túy với Nguyễn Ngọc V1, do đó Nguyễn Ngọc V2 có vai trò là người thực hành trong vụ án về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[9]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ đã qua sử dụng là phương tiện V1 dùng để liên lạc mua ma túy; 01 xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu xám đen, Biển kiểm soát 82B1 – 539.58, số khung 0610HY527093, số máy G3D4E550224 đã qua sử dụng, qua xác minh các tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim N, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trao trả cho bà Nguyễn Thị Kim N là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S màu xanh đã qua sử dụng mà Nguyễn Ngọc V1 mang đi cầm cố, qua xác minh là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Lê Thị Quỳnh M, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trao trả cho chị Lê Thị Quỳnh M là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy các vật chứng là công cụ phạm tội, đồ vật cầm tàng trữ, cất lưu hành, không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

0,9644 gam ma túy, sau khi giám định còn lại 0,9351 gam, loại chất Methamphetamine được đựng trong một túi ni lông và được niêm phong trong một bì mặt trước có ghi nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM – PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 44/GĐTP – 2019”, mặt sau có các dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH KON TUM”, và có chữ ký ghi tên của người tham gia niêm phong tại mép dán.

01 (Một) bìch màu trắng có nhiều nhãn màu đỏ có ghi chữ “BISSIN” in trên bề mặt bên trong có chứa nhiều vật màu vàng (đã bị vỡ, không rõ hình), được niêm phong trong phong bì đánh dấu số 03.

01 (Một) hộp nhựa màu đen, không rõ hình thù, kích thước (1,5 x 4,5 x 2) cm bên trên cả hai mặt đều có ghi dòng chữ “50000 k VOLT” “928TYPE” được niêm phong trong phong bì đánh dấu số 04.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[11]. Đối với đối tượng Phạm Quốc L và Lê Thị Tuyết N, qua làm việc, đối chất với bị cáo Nguyễn Ngọc V1, hai đối tượng L và N phủ nhận việc trao đổi mua bán ma túy với Nguyễn Ngọc V1 và Nguyễn Ngọc V2 mà chỉ khai có liên lạc với Nguyễn Ngọc V1 nhưng để đòi tiền V1 nợ trước đó. Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum chưa chứng minh được hành vi của Phạm Quốc L và Lê Thị Tuyết N nên tách hành vi của đối tượng Phạm Quốc L và Lê Thị Tuyết N ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý khi có căn cứ là phù hợp.

[12]. Đối với Lê Thị Quỳnh My là người đã cho Nguyễn Ngọc V1 mượn điện thoại OPPO A3S màu xanh đi cầm cố để mua ma túy sử dụng, nhưng My không biết mục đích của V1 là gì nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Lê Thị Quỳnh My.

[13]. Đối với hành vi của Nguyễn Ngọc V1 mượn điện thoại của Lê Thị Quỳnh M cầm cố để lấy tiền mua ma túy, nhưng khi mượn điện thoại của M, V1 nói rõ là mượn để đi cầm cố mua đồ dùng sinh hoạt nên được sự đồng ý của M. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý Nguyễn Ngọc V1 về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[14]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc V1 và Nguyễn Ngọc V2 bị kết án nên phải nộp tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc V1 và Nguyễn Ngọc V2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Ngọc V1 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/5/2019.

Bị cáo Nguyễn Ngọc V2 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/5/2019.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

0,9644 gam ma túy, sau khi giám định còn lại 0,9351 gam, loại chất Methamphetamine được đựng trong một túi ni lông và được niêm phong trong một bì mặt trước có ghi nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM – PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 44/GĐTP – 2019”, mặt sau có các dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ* CÔNG AN TỈNH KON TUM”, và có chữ ký ghi tên của người tham gia niêm phong tại mép dán.

01 (Một) bìch màu trắng có nhiều nhãn màu đỏ có ghi chữ “BISSIN” in trên bề mặt bên trong có chứa nhiều vật màu vàng (đã bị vỡ, không rõ hình), được niêm phong trong phong bì đánh dấu số 03.

01 (Một) hộp nhựa màu đen, không rõ hình thù, kích thước (1,5 x 4,5 x 2) cm bên trên cả hai mặt đều có ghi dòng chữ “50000 k VOLT” “928TYPE” được niêm phong trong phong bì đánh dấu số 04.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc V1 và Nguyễn Ngọc V2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nuôi

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;

TÒA

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Hữu Nuôi